

Bản án số: 51/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 24/9/2021.
V/v: “ *Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Vương.
- Các hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Trần Thị Hồng.
 2. Ông Nguyễn Đức Dương.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện VKSND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*
Bà Lê Minh Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLST - HNGĐ ngày 21/6/2021 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXX- ST ngày 23/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐ – HPT ngày 09/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, Sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Ngọc T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện TH vào ngày 22/01/1999. Sau khi kết hôn, anh

chị về chung sống cùng gia đình anh T tại thôn P, xã N, anh chị chung sống hạnh phúc được đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm tới gia đình. Chị và anh T sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh Trần Ngọc T có ba con chung là Trần Thị Như Q, sinh ngày 23/11/1999, Trần Ngọc C, sinh ngày 24/6/2002 và Trần Chí C1, sinh ngày 20/4/2014. Hiện hai con chung là Trần Thị Như Q và Trần Ngọc C đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Chí C1 và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con Trần Chí C1 cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh Trần Ngọc T không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Vũ Thị M (là mẹ đẻ của anh Trần Ngọc T) ngày 20/7/2021, bà M trình bày: Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện TH vào ngày 21/01/1999. Sau khi kết hôn, anh T và chị H về chung sống cùng gia đình bà tại thôn P, N được đến đầu năm 2010 thì anh T và chị H đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống anh T và chị H không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên từ sau khi anh T mỗ tim, sức khỏe yếu thì anh T và chị H có phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Anh T và chị H sống ly thân từ 02 năm nay. Nay chị H xin ly hôn anh T thì do gia đình bà theo đạo Thiên Chúa nên bà không đồng ý để anh T và chị H ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc T có ba con chung là Trần Thị Như Q, sinh ngày 23/11/1999, Trần Ngọc C, sinh ngày 24/6/2002 và Trần Chí C1, sinh ngày 20/4/2014. Hiện hai con chung là Trần Thị Như Q và Trần Ngọc C đã trưởng thành, cháu Trần Chí C1 đang ở cùng chị H. Nếu chị H và anh T phải ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi cháu Trần Chí C1 thì bà cũng đồng ý.

Về tài sản chung, công nợ: Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị H không có tài sản chung. Về nợ chung của anh T và chị H thì bà không nắm được.

Tại biên bản xác minh ngày 20/7/2021, Ủy ban nhân dân xã N, huyện TH cung cấp: Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị H hiện vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện TH. Anh T và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện TH vào ngày 22/01/1999. Sau khi kết hôn, anh T và chị H về chung sống cùng gia đình anh T tại thôn P, xã N một thời gian sau đó thì anh T và chị H đi làm ăn trong Miền Nam. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh T thì chính quyền địa phương không nắm được. Anh T và chị H có ba con chung là Trần Thị Như Q, sinh ngày 23/11/1999, Trần Ngọc C, sinh ngày 24/6/2002 và Trần Chí C1, sinh ngày 20/4/2014. Chính quyền địa phương không nắm được về tài sản chung và nợ chung của anh T và chị H. Nay chị H xin ly hôn anh T, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc T.

- + Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc T có ba con chung là Trần Thị Như Q, sinh ngày 23/11/1999, Trần Ngọc C, sinh ngày 24/6/2002 và Trần Chí C1, sinh ngày 20/4/2014. Hiện hai con chung là Trần Thị Như Q và Trần Ngọc C đã trưởng thành nên không phải giải quyết. Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Chí C1. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con Trần Chí C1 nên không đặt ra giải quyết.

- + Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa cũng như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về tố tụng:** Bị đơn là anh Trần Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện TH, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đã đủ căn cứ để mở phiên tòa xét xử vụ án. Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải đã mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 09 tháng 9 năm 2021, chị H có mặt, anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị H có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc T kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện TH, tỉnh Thái Bình. Tại thời điểm kết hôn chị H, anh T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đầu năm 2017 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Xét yêu cầu của chị H xin ly hôn anh T, Hội đồng xét xử thấy chị H và anh T sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy là hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc T có ba con chung là Trần Thị Như Q, sinh ngày 23/11/1999, Trần Ngọc C, sinh ngày 24/6/2002 và Trần Chí C1, sinh ngày 20/4/2014. Hiện hai con chung là Trần Thị Như Q và Trần Ngọc C đã trưởng thành nên không phải giải quyết. Chị H có nguyện vọng

xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Chí C1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con Trần Chí C1. Xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay con chung của chị H và anh T đang sống cùng chị H, cháu C1 có nguyện vọng được ở cùng chị H. Hiện cháu Trần Chí C1 còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ và để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Trần Chí C1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị H. Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Chí C1. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[3] Về tài sản chung, công nợ : Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không ghi được ý kiến của anh Trần Ngọc T nên phần tài sản chung và công nợ không đặt ra giải quyết. Khi nào chị H, anh T có yêu cầu giải quyết về tài sản thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27; điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

2/ Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc T có ba con chung là Trần Thị Như Q, sinh ngày 23/11/1999, Trần Ngọc C, sinh ngày 24/6/2002 và Trần Chí C1, sinh ngày 20/4/2014. Hiện hai con chung là Trần Thị Như Q và Trần Ngọc C đã trưởng thành nên không phải giải quyết. Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Chí C1. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Anh Trần Ngọc T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung, công nợ: Không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm .Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002162 ngày 21/6/2021 được chuyển thành tiền án phí.

5/ Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/9/2021).

Anh Trần Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chu Tuấn Vương

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Nam Hải;
- Lưu.

Chu Tuấn Vương